

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2018/HNGĐ-ST
Ngày 04 - 7 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung,
chia tài sản và nợ.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 04 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 228/2018/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2018 về việc ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản và nợ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đào Hằng N, sinh năm 1983; cư trú tại: Ấp TL B, xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn S, sinh năm 1982; cư trú tại: Ấp TL, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1942; cư trú tại: Ấp TL, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Tại phiên tòa: Chị N, anh S và bà L có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Đào Hằng N trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Phạm Văn S tổ chức đám cưới năm 2003, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu

thuần, mặc dù gia đình hai bên đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Do vợ chồng thường xuyên cãi nhau vì bất đồng quan điểm, anh S không quan tâm lo lắng cho cuộc sống gia đình. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh S.

- *Về nuôi con chung*: Trong quá trình chung sống, chị và anh S có 02 con chung tên là Phạm Mỹ H, sinh ngày 19/02/2004 và Phạm Gia L, sinh ngày 10/01/2016, hiện 02 người con đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi 02 người con, yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- *Về chia tài sản*: Chị và anh S không có tài sản chung. Nhưng chị có 13 chỉ vàng 24k và 07 chỉ vàng 18k là tài sản riêng được mẹ ruột cho trước khi anh S cưới.

- *Về nợ người khác và người khác nợ lại*: Chị và anh S không có nợ người khác. Nhưng có mẹ chồng là bà Trần Thị L có mượn chị 13 chỉ vàng 24k và 07 chỉ vàng 18k vào năm 2005 đến nay chưa trả. Khi ly hôn, chị yêu cầu bà L trả cho chị 13 chỉ vàng 24k và 07 chỉ vàng 18k.

Anh Phạm Văn S trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh đồng ý ly hôn với chị Đào Hằng N.

- *Về nuôi con chung*: Anh không đồng ý để chị N nuôi dưỡng cả 02 người con. Bởi vì hoàn cảnh thực tế của chị N rất khó khăn, sống chung với cha mẹ ruột mà phải nuôi dưỡng, chăm sóc cho 02 người con nhỏ nên khó đảm bảo cho 02 người con phát triển đầy đủ về thể chất, tinh thần. Vì vậy, anh S yêu cầu được nuôi 02 người con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- *Về chia tài sản*: Vợ chồng có 13 chỉ vàng 24k được mẹ ruột cho trong ngày cưới là tài sản chung của vợ chồng gồm: 01 tấm lắc 05 chỉ vàng 24k; 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24k; 01 nhẫn 01 chỉ vàng 24k và 01 nhẫn 02 chỉ vàng 24k. Khi ly hôn, anh S yêu cầu chia cho mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ số vàng này.

- *Về nợ người khác và người khác nợ lại*: Mẹ ruột là bà Trần Thị L có mượn của vợ chồng 13 chỉ vàng 24k đến nay chưa trả.

Bà Trần Thị L trình bày:

Bà thừa nhận có cho anh S và chị N 13 chỉ vàng 24k, nhưng sau đó đã mượn lại số vàng này. Ngoài ra, bà có mượn của chị N 07 chỉ vàng 18k. Nay bà đồng ý trả 13 chỉ vàng 24k để anh S và chị N chia, đồng thời bà đồng ý trả cho chị N 07 chỉ vàng 18k.

Tại phiên tòa:

- Chị N xin được ly hôn; yêu cầu được nuôi cả hai người con, không yêu cầu cấp dưỡng; chị không đồng ý tách 02 người con ra sống riêng, chị có nguyện vọng nếu Tòa án giao con cho ai nuôi thì người đó nuôi cả 02 cháu; Yêu cầu bà L trả 13 chỉ vàng 24k để chị và anh S chia; yêu cầu bà L trả 05 chỉ vàng 18k và anh S trả 02 chỉ vàng 18k để chị hưởng.

- Anh S đồng ý ly hôn; yêu cầu được nuôi cả hai người con, không yêu cầu cấp dưỡng; anh không đồng ý tách 02 người con ra sống riêng, anh có nguyện vọng nếu Tòa án giao con cho ai nuôi thì người đó nuôi cả 02 cháu; anh đồng ý chia đôi số vàng 13 chỉ 24k và anh đồng ý trả lại cho chị N 02 chỉ vàng 18k.

- Bà L đồng ý trả 13 chỉ vàng 18k để anh S và chị N chia; bà đồng ý trả lại cho chị N 05 chỉ vàng 18k.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Vụ kiện giữa nguyên đơn chị Đào Hằng N, bị đơn anh Phạm Văn S là vụ kiện tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản và nợ, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện của chị N về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng:* Vào năm 2003, chị N và anh S chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, không có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Như vậy, theo điểm c mục 3 của Nghị Quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình và theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình thì mối quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh S không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do đó, chị N và anh S không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] *Xét về nuôi con chung:* Khi ly hôn, chị N và anh S đều có yêu cầu được nuôi cả 02 người con, không yêu cầu cấp dưỡng. Đồng thời, chị N và anh S đều có nguyện vọng, trường hợp Tòa án giao con cho người nào nuôi thì phải giao cả 02 người con, anh S và chị N không đồng ý tách riêng 02 người con ra ở riêng. Bởi vì, hiện nay chị N và anh S đều có thu nhập ổn định nên đảm bảo điều kiện nuôi dạy cả 02 cháu. Tại phiên tòa, chị N xác định hiện H và cháu L đang sống với chị ổn định, có điều kiện phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và tâm sinh lý. *Xét thấy:* Hiện nay cháu H đang trong độ tuổi dậy thì nên cần phải có sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Mặt khác, theo biên bản ghi nguyện vọng của cháu H ngày 04/7/2018 thì cháu xác định “*Nếu Tòa án giải quyết cho cha mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu muốn được sống chung với mẹ*”. Còn cháu Gia L thì dưới 36 tháng tuổi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì con dưới 36 tháng tuổi sẽ ưu tiên cho người mẹ trực tiếp nuôi. Như vậy, để tránh thay đổi về môi trường sống, cũng như tâm sinh lý của cháu H và cháu L, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh S về nuôi con chung, mà cần chấp nhận yêu cầu của chị N là có căn cứ.

[4] *Xét về cấp dưỡng:* Chị N và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] *Xét về chia tài sản*: Tại phiên tòa, chị N thừa nhận trong ngày cưới mẹ chồng là bà Trần Thị L có cho 13 chỉ vàng 24k và số vàng này hiện bà L mượn chưa trả. Nay chị đồng ý chia đôi số vàng theo yêu cầu của anh S. Đối với bà L thì bà thừa nhận nội dung trình bày của chị N và bà đồng ý trả 13 chỉ vàng 24k để chị N và anh S chia. Nay chị N yêu cầu được hưởng $\frac{1}{2}$ số vàng 13 chỉ 24k, anh S đồng ý. Như vậy, yêu cầu chia đôi số vàng 13 chỉ 24k của chị N là phù hợp với Điều 219 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tuy nhiên, số vàng nêu trên hiện do bà L mượn chưa trả, do đó bà L phải có nghĩa vụ giao trả lại cho chị N 6,5 chỉ vàng 24k và anh S 6,5 chỉ vàng 24k.

[6] *Xét về nợ người khác và người khác nợ lại*: Theo chị N và anh S xác định vợ chồng không có nợ người khác, nhưng có bà L nợ vợ chồng 13 chỉ vàng 24k. Ngoài ra, bà L còn nợ riêng chị N 05 chỉ vàng 18k và anh S 02 chỉ vàng 18k, việc này bà L và anh S thừa nhận. Do đó, bà L phải có nghĩa vụ trả lại cho chị N 05 chỉ vàng 18k và anh S phải trả 02 chỉ vàng 18k.

[7] *Xét về án phí hôn nhân và gia đình*: Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] *Xét về án phí dân sự*: Chị N và anh S phải chịu án phí dân sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 27; bà L không phải chịu án phí dân sự theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; Điều 35; Điều 91; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 14; Điều 16; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 219 của Bộ luật dân sự năm 2005; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm b khoản 2 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Hằng N.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận chị Đào Hằng N và anh Phạm Văn S là vợ chồng.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Phạm Mỹ H, sinh ngày 19/02/2004 và Phạm Gia L, sinh ngày 10/01/2016 cho chị Đào Hằng N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phạm Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Phạm Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. *Về chia tài sản*:

- Chị Đào Hằng N được hưởng 6,5 (sáu phẩy năm) chỉ vàng 24k.
- Anh Phạm Văn S được hưởng 6,5 (sáu phẩy năm) chỉ vàng 24k.
- Buộc bà Trần Thị L phải có nghĩa vụ giao trả lại cho chị Đào Hằng N và anh Phạm Văn S mỗi người 6,5 (sáu phẩy năm) chỉ vàng 24k.

4. *Về nợ*: Buộc bà Trần Thị L phải có nghĩa vụ trả lại cho chị Đào Hằng N 05 (năm) chỉ vàng 18k và buộc anh Phạm Văn S giao trả lại cho chị Đào Hằng N 02 (hai) chỉ vàng 18k.

5. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*:

Chị Đào Hằng N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0009889 ngày 11/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị Đào Hằng N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. *Về án phí dân sự*:

- Chị Đào Hằng N phải chịu án phí dân sự với số tiền 1.150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 1.590.000 đồng theo biên lai số 0009890 ngày 11/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị Đào Hằng N được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 440.000 đồng.

- Anh Phạm Văn S phải chịu án phí dân sự với số tiền là 1.431.000 đồng.

7. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

8. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh

